TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2025/DS-ST
Ngày: 11/4/2025
V/v:"Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Bích Khiếm

Các Hội Thẩm nhân dân: Ông Thạch Riêng.

Bà Nguyễn Bạch Nhạn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Chí Thức là Tẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Đồ Ngọc Tuyền – Kiểm sát viên.

Trong ngày 11/4/2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 530/2024/TLST-DS ngày 06 tháng 12 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2025/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng T. Địa chỉ trụ sở chính: Số 266 - 268 Đường NKKN, Quận 3, Thành phố HCM.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ: Tổng Giám Đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đinh Thị Ái T, Chức vụ: Phó phòng giao dịch Châu Thành Sóc Trăng - Ngân Hàng T. (Theo văn bản ủy quyền số: 03/2025/GUQ- PGD CNST, ngày 23/01/2025 của trưởng phòng PGD Châu Thành Sóc Trăng – Ngân hàng T).Địa chỉ: Quốc Lộ 1A, ấp TQ A, thị trấn CT, huyện CT, tỉnh Sóc Trăng (có đơn xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Lương Hải B, sinh năm: 1973 (vắng mặt).

Địa chỉ thường trú: số 43 CT, phường T, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng.

Địa chỉ hiện tại: Căn 12 khu dân cư LT, phường M, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/11/2024 của nguyên đơn Ngân hàng T, quá

trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Đinh Thị Ái T trình bày như sau:

Ngày 15/9/2023, ông B có ký với Ngân hàng T (gọi tắt là Ngân hàng S) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng), hạn mức tín dụng là 50.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Cụ thể như sau: Loại thẻ VISA, Số thẻ 436438-3456, Hạn mức 50.000.000 đồng, Ngày ký hợp đồng 15/9/2023, Lãi suất áp dụng 29.8%/năm.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông B đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 49.500.000 đồng.

Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau (Điều 23 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ông B phải chịu các khoản phí theo quy định trong Điều 25 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, chi tiết lãi, phí trong sao kê tóm tắt.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông B đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 8.914.439 đồng (chi tiết các lần thanh toán trong bảng sao kê tóm tắt đính kèm). Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo điều 21 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông Lương Hải B vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông Lương Hải B vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 25/7/2024 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 24 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là ở 55.860.422 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại).

Do ông Lương Hải B vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 24 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng nên Ngân hàng yêu cầu ông Lương Hải B trả số tiền còn thiếu tính đến ngày 6/11/2024 là 65.080.381 đồng.

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với ông Lương Hải B yêu cầu có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để trả nợ, tuy nhiên ông Lương Hải B vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký.

Nay Ngân hàng T yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Lương Hải B phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 11/4/2025 là 75.964.092 đồng. Trong đó: Vốn gốc 55.860.422 đồng, Lãi quá hạn: 20.103.670 đồng và có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 12/4/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Đối với bị đơn ông Lương Hải B: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay đều vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến gì. Toà án đã cấp, tống đạt hợp lệ các

văn bản tố tụng theo quy định, nhưng ông Lương Hải B không gửi văn bản cho Toà án biết về ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông Lương Hải B cũng không đến Toà án để tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, không đến tham gia phiên toà xét xử sơ thẩm.

- Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng trình bày ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Sau khi phân tích đánh giá chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và qua kết quả thẩm tra các chứng cứ, tranh tụng tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến trình bày của các đương sự, kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn Ngân hàng T khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Lương Hải B, sinh năm: 1973. Địa chỉ: Căn 12 khu dân cư LT, phường M, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng thanh toán số tiền vốn và lãi vay còn nợ là 75.964.092 đồng theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân ngày 15/9/2023. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án dân sự về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

[1.2] Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Đinh Thị Ái T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và bị đơn ông Lương Hải B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bà Đinh Thị Ái T và ông Lương Hải B.

[2] Về nội dung:

[2.1] Theo tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng S cung cấp, căn cứ khoản 1 Điều 95 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử công nhận trên thực tế giữa Ngân hàng S và ông Lương Hải B có giao kết Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân ngày 15/9/2023 với nội dung Ngân hàng S cấp cho ông B thẻ tín dụng, Cụ thể như sau: Loại thẻ VISA; Số thẻ 436438-3456; Hạn mức 50.000.000 đồng; Ngày ký hợp đồng 15/9/2023; Lãi suất áp dụng 29.8%/năm. Ông B đã thực

hiện các giao dịch vào ngày 25/9/2023 với số tiền 49.500.000 đồng. Từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông B đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền là 8.914.439 đồng và từ ngày 25/7/2024 ông B vi phạm nghĩa vụ thanh toán, Ngân hàng chuyển quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ là 55.860.422 đồng làm nợ gốc và áp dụng lãi suất quá hạn (là 150% của lãi được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại).

[2.2] Tại Điều 24 của điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Sacombank thì ông B vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên việc Ngân hàng yêu cầu trả số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 11/4/2025 ông B còn nợ lại tổng cộng số tiền là 75.964.092 đồng. Trong đó: Vốn gốc 55.860.422 đồng; Lãi quá hạn: 20.103.670 đồng là có căn cứ phù hợp với điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Sacombank và phù hợp với Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, cũng như phù hợp với với quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao.

[2.3] Đối với yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh từ ngày 12 tháng 4 năm 2025 cho đến khi ông B trả hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, xét yêu cầu này là phù hợp với thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết cũng như theo quy định tại Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao nên được chấp nhận.

[2.4] Như đã phân tích nêu trên lời đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn Ngân hàng T không phải chịu án phí. Bị đơn Lương Hải B phải chịu án phí sơ thẩm số tiền 3.798.205 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 95, Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Khoản 1 Điều 273, Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng và Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng T.

2. Buộc bị đơn ông Lương Hải B có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng T số tiền vốn và lãi tính đến ngày 11/4/2025 còn nợ tổng cộng số tiền là 75.964.092 đồng. Trong đó: Vốn gốc 55.860.422 đồng; Lãi quá hạn: 20.103.670 đồng.

Kể từ ngày 12/4/2025 ông Lương Hải B còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ thì lãi suất mà ông B phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng T cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng T.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn Ngân hàng T không phải chịu án phí sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.627.000 đồng theo biên lai thu số 0008570 ngày 18/11/2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

Bị đơn ông Lương Hải B phải chịu án phí sơ thẩm số tiền 3.798.205 đồng.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSNDTP Sóc Trăng;*
- *Chi cục THADS TP Sóc Trăng;*
- *TAND tỉnh Sóc Trăng;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Lý Bích Khiếm